

**BỘ NÔNG NGHIỆP  
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do-Hạnh phúc**

Số: **3884**/BNN-TC

Hà Nội, ngày ~~23~~ tháng 5 năm 2018

V/v hướng dẫn xây dựng phương án tài chính thực hiện cơ chế tự chủ đối với các tổ chức khoa học và công nghệ công lập.

Kính gửi: Các tổ chức khoa học và công nghệ công lập thuộc Bộ

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Thứ trưởng thường trực Hà Công Tuấn tại Thông báo số 3031/TB-BNN-VP ngày 20/4/2018 kết luận Hội nghị quán triệt, triển khai Kế hoạch, Chương trình hành động của Ban cán sự đảng Bộ về thực hiện Nghị quyết số 18, 19-NQ/TW;

Căn cứ các quy định về xây dựng phương án tự chủ tài chính đối với các tổ chức khoa học và công nghệ công lập tại Nghị định số 54/2016/NĐ-CP ngày 14/6/2016 của Chính phủ, Thông tư số 01/2017/TT-BKHHCN ngày 12/01/2017 của Bộ Khoa học và Công nghệ và Thông tư số 90/2017/TT-BTC ngày 30/8/2017 của Bộ Tài chính.

Để đảm bảo việc xây dựng Phương án tài chính thực hiện cơ chế tự chủ của tổ chức khoa học và công nghệ công lập (sau đây gọi là Phương án tự chủ) hiệu quả, chất lượng và thống nhất, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn như sau:

**1. Đối với các tổ chức khoa học và công nghệ công lập thuộc Bộ hoặc tổ chức khoa học và công nghệ công lập trực thuộc Viện xếp hạng đặc biệt thuộc Bộ (đơn vị sử dụng ngân sách):**

Xây dựng Phương án tự chủ giai đoạn 2018-2020, lập dự toán thu, chi năm đầu thời kỳ ổn định (năm 2018) và xác định mức độ tự đảm bảo kinh phí hoạt động theo hướng dẫn kèm theo gửi cho cơ quan cấp trên trực tiếp (sau đây gọi là Hồ sơ Phương án tự chủ), bao gồm:

- Thuyết minh Phương án tài chính thực hiện cơ chế tự chủ theo Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Thông tư số 90/2017/TT-BTC;

- Biểu mẫu báo cáo kèm theo Phụ lục số 01: Dự toán thu, chi ngân sách nhà nước ba năm trước liền kề (2015, 2016, 2017) và dự kiến năm đầu thời kỳ ổn định (năm 2018);

*(Chi tiết hướng dẫn xây dựng Phương án tự chủ theo Phụ lục đính kèm)*

## **2. Đối với các Viện xếp hạng đặc biệt thuộc Bộ (Viện có đơn vị trực thuộc):**

Căn cứ Phương án tự chủ do các đơn vị trực thuộc đề xuất, thực hiện việc xem xét, tổng hợp phương án phân loại mức độ tự chủ tài chính và dự toán thu, chi của các đơn vị trực thuộc cùng với Phương án tự chủ của Viện gửi Bộ (Vụ Tài chính) để thẩm định, bao gồm:

- Báo cáo Tổng hợp Phương án phân loại tự chủ tài chính tổ chức khoa học và công nghệ công lập giai đoạn 2018-2020 theo Phụ lục số 02 ban hành kèm theo Thông tư số 90/2017/TT-BTC (cùng với Hồ sơ Phương án tự chủ của các đơn vị trực thuộc nêu trên);

- Biểu mẫu báo cáo kèm theo Phụ lục số 02: Biểu tổng hợp về Phương án phân loại tổ chức khoa học và công nghệ công lập giai đoạn 2018-2020;

Nhận được Công văn này, đề nghị các tổ chức khoa học và công nghệ công lập (đơn vị sử dụng ngân sách) khẩn trương xây dựng, gửi Hồ sơ Phương án tự chủ về Bộ (đối với đơn vị trực thuộc Bộ) hoặc đơn vị cấp trên trực tiếp của đơn vị (các Viện xếp hạng đặc biệt thuộc Bộ) trước ngày **30/5/2018**. Các Viện xếp hạng đặc biệt thuộc Bộ xem xét, tổng hợp Phương án phân loại tự chủ tài chính tổ chức khoa học và công nghệ công lập của các đơn vị trực thuộc và của Viện gửi Bộ (Vụ Tài chính) trước ngày **07/6/2018** để Vụ Tài chính chủ trì thẩm định, tổng hợp gửi Bộ Tài chính lấy ý kiến trước khi hoàn thiện trình Bộ trưởng ban hành quyết định về việc phê duyệt Phương án tự chủ của đơn vị.

Quá thời hạn nêu trên nếu các Viện xếp hạng đặc biệt thuộc Bộ và các tổ chức khoa học và công nghệ công lập trực thuộc Bộ không gửi đủ Hồ sơ Phương án tự chủ cho Bộ (qua Vụ Tài chính) thì Bộ sẽ không tổ chức thẩm định Phương án tài chính thực hiện cơ chế tự chủ của tổ chức khoa học và công nghệ công lập và thủ trưởng đơn vị phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng và trước đơn vị.

Trân trọng cảm ơn và kính mong sự hợp tác chặt chẽ của các tổ chức khoa học và công nghệ công lập thuộc Bộ./.

### **Nơi nhận:**

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Các Thứ trưởng (để b/c);
- Vụ KH, CN & MT (p/h);
- Vụ TCCB (p/h);
- Lưu VT, TC

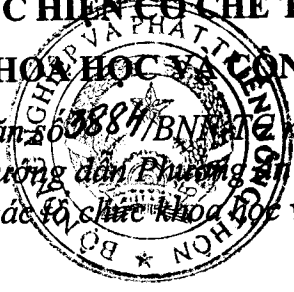
**TL. BỘ TRƯỞNG  
VỤ TRƯỞNG VỤ TÀI CHÍNH**



**Nguyễn Văn Hà**

**HƯỚNG DẪN XÂY DỰNG PHƯƠNG ÁN TÀI CHÍNH**  
**THỰC HIỆN CƠ CHẾ TỰ CHỦ CỦA TỔ CHỨC**  
**KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CÔNG LẬP**

*(Kèm theo Công văn số 3887/BN-PT ngày 23 tháng 5 năm 2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT hướng dẫn Phương án tài chính thực hiện cơ chế tự chủ đối với các tổ chức khoa học và công nghệ công lập)*



**I. Căn cứ pháp lý xây dựng phương án:**

- Nghị định số 54/2016/NĐ-CP ngày 14/6/2016 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của tổ chức KH&CN công lập;
- Thông tư số 01/2017/TT-BKH&CN ngày 12/01/2017 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 54/2016/NĐ-CP ngày 14/6/2016 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của tổ chức KH&CN công lập;
- Thông tư số 90/2017/TT-BTC ngày 30/8/2017 của Bộ Tài chính quy định việc thực hiện cơ chế tự chủ tài chính đối với tổ chức KH&CN công lập (sau đây gọi là Thông tư 90).

**II. Tài liệu gửi kèm theo Hồ sơ Phương án tự chủ:**

Để phục vụ cho việc thẩm định, Hồ sơ Phương án tự chủ của các đơn vị gửi cho đơn vị cấp trên trực tiếp phải kèm các tài liệu sau:

- Tờ trình xin phê duyệt Phương án tự chủ của đơn vị;
- Quyết định thành lập đơn vị; Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức; Quyết định ban hành điều lệ tổ chức và hoạt động của đơn vị;
- Quyết định thành lập/chuyển đổi sang hình thức tổ chức KH&CN công lập hoạt động theo quy định của Nghị định 115/2005/NĐ-CP. Trường hợp không có các quyết định này thì thay thế bằng Đăng ký hoạt động khoa học của tổ chức;
- Quyết định của cơ quan có thẩm quyền phê duyệt biên chế cho tổ chức KH&CN công lập. Đối với cán bộ hợp đồng, bổ sung danh sách cán bộ Hợp đồng có thời gian ký hợp đồng trên 1 năm cho xác nhận của thủ trưởng đơn vị (ký và đóng dấu);
- Quyết định phê duyệt Quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị;
- Quyết định giao dự toán các năm 2015, 2016, 2017, 2018 của cơ quan có thẩm quyền;
- Báo cáo Quyết toán 03 năm liên tiếp 2015, 2016 và 2017 kèm theo Thông báo quyết toán của cấp trên phê duyệt có xác nhận sao y bản chính;

- Chi tiết nhiệm vụ KHCCN các cấp /Nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng (Tài Phụ lục 3 kèm theo Hướng dẫn này);

- Quyết định giao tài sản và bảng tính khấu hao TSCĐ của đơn vị các năm tương ứng.

- Đối với các Viện cấp đặc biệt thuộc Bộ tập hợp thêm các biên bản thẩm định và Phương án tự chủ của các Viện thành viên trực thuộc.

### III. Phương thức xác định mức độ tự chủ tài chính (nhằm phân loại tổ chức KHCCNCL theo quy định tại khoản 2 điều 3 NĐ 54/2016/NĐ-CP và Điều 3 Thông tư 90/2017/TT-BTC)

#### 1. Xác định mức độ tự bảo đảm kinh phí chi thường xuyên:

Mức tự bảo đảm phí thường xuyên (%)	=	$\frac{\text{Tổng các nguồn thu sự nghiệp (1)}}{\text{Tổng số chi thường xuyên (2)}} \times 100\%$
-------------------------------------	---	--

Trong đó:

(1) Tổng các nguồn thu sự nghiệp là các khoản thu theo quy định tại Điểm a, b, c, g, d Khoản 1 Điều 3 Thông tư 90, gồm:

a) Nguồn thu phí được để lại theo quy định của Luật phí và lệ phí và các văn bản có liên quan (tương ứng với Điểm 1 Mục I – Nguồn thu - Biểu mẫu báo cáo Phụ lục số 01 Thông tư 90 kèm theo);

b) Nguồn thu từ ngân sách nhà nước nếu được cơ quan có thẩm quyền (cấp quốc gia, cấp bộ, cấp tỉnh, cấp cơ sở ...) tuyển chọn hoặc giao trực tiếp để thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ. Nếu kinh phí thực hiện nhiệm vụ KHCCN thực hiện trong thời gian nhiều năm thì lấy số thực nhận theo quyết toán từng năm (số thực nhận trong năm và số chuyển nguồn từ năm trước chưa quyết toán) (tương ứng với Điểm 2 Mục I – Nguồn thu - Biểu mẫu báo cáo Phụ lục số 01 Thông tư 90 kèm theo) – Lưu ý loại trừ kinh phí bố trí mua sắm máy móc, thiết bị có giá trị lớn;

c) Nguồn thu từ hoạt động cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước trong lĩnh vực khoa học và công nghệ theo giá quy định của cấp có thẩm quyền. Các đơn vị lưu ý nguồn thu này chưa phát sinh do Chính phủ chưa ban hành danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng NSNN trong lĩnh vực KHCCN do Bộ Nông nghiệp và PTNT quản lý (tương ứng với Điểm 3 Mục I – Nguồn thu - Biểu mẫu báo cáo Phụ lục số 01 Thông tư 90 kèm theo);

d) Nguồn thu từ hoạt động cung cấp dịch vụ sự nghiệp công không sử dụng ngân sách nhà nước, hợp tác, liên doanh, liên kết về khoa học và công nghệ, hoạt động sản xuất, kinh doanh. Các đơn vị lưu ý chỉ lấy phần chênh lệch thu lớn hơn chi (sau khi đã thực hiện các nghĩa vụ với nhà nước hoặc nộp cấp trên theo quy định) từ hoạt động cung cấp dịch vụ sự nghiệp công không sử dụng ngân sách nhà nước, hợp tác, liên doanh, liên kết về khoa học và công nghệ, hoạt động sản xuất, kinh doanh (tương ứng với Điểm 4 Mục I – Nguồn thu - Biểu mẫu báo cáo Phụ lục số 01 Thông tư 90 kèm theo).

g) Thu hợp pháp khác (như lãi tiền gửi ngân hàng, thu từ bán thanh lý tài sản, liên danh liên kết không liên quan đến hoạt động KH&CN của đơn vị ...) kèm theo thuyết minh chi tiết (tương ứng với Điểm 5 Mục I – Nguồn thu - Biểu mẫu báo cáo Phụ lục số 01 Thông tư 90 kèm theo).

**(2) Tổng số chi thường xuyên là các nội dung chi theo quy định tại Điểm a, b, c, d Khoản 2 Điều 3 Thông tư 90, gồm:**

a) Chi tiền lương cho công chức, viên chức, người lao động theo ngạch, bậc, hạng chức danh nghề nghiệp, chức vụ, vị trí việc làm và các khoản phụ cấp do Nhà nước quy định; chi tiền công theo hợp đồng vụ việc (nếu có) (tương ứng với Điểm 1 Mục II – Chi thường xuyên - Biểu mẫu báo cáo Phụ lục số 01 Thông tư 90 kèm theo):

+ Tiền lương và các khoản đóng góp theo lương của những người trực tiếp thực hiện nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng. Tính theo ngạch bậc theo quy định hiện hành của Nhà nước về chế độ tiền lương (căn cứ theo số lượng người tham gia thực hiện trong mỗi nhiệm vụ; thời gian tham gia thực hiện nhiệm vụ). Tổng số người tham gia các nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng của tổ chức KH&CN không vượt quá số lượng người làm việc theo vị trí việc làm đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

+ Tiền lương từ nguồn Phí để lại cho người lao động được phê duyệt theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

b) Chi hoạt động chuyên môn (tương ứng với Điểm 2 Mục II – Chi thường xuyên - Biểu mẫu báo cáo Phụ lục số 01 Thông tư 90 kèm theo), gồm:

+ Chi thực hiện các nhiệm vụ KH&CN được cơ quan có thẩm quyền tuyển chọn hoặc giao trực tiếp gồm các nội dung chi theo thuyết minh được duyệt: công lao động, nguyên vật liệu – năng lượng, chi khác (không bao gồm chi quản lý). Lưu ý loại trừ chi phí mua sắm máy móc, thiết bị có giá trị lớn.

+ Chi hoạt động cung cấp dịch vụ thu phí (ngoài tiền lương) từ nguồn phí để lại.

c) Chi quản lý; từ nguồn NSNN và nguồn phí để lại: chi phí điện, nước, văn phòng phẩm, thông tin liên lạc, xăng xe ... (tương ứng với Điểm 3 Mục II – Chi thường xuyên - Biểu mẫu báo cáo Phụ lục số 01 Thông tư 90 kèm theo);

d) Chi thường xuyên khác (thuyết minh nội dung nếu có) (tương ứng với Điểm 4 Mục II – Chi thường xuyên - Biểu mẫu báo cáo Phụ lục số 01 Thông tư 90 kèm theo).

## **2. Phương thức xác định mức độ tự chủ tài chính của tổ chức khoa học và công nghệ**

- Tổ chức khoa học và công nghệ công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư: Là tổ chức đảm bảo các điều kiện sau:

+ Có mức tự bảo đảm kinh phí chi thường xuyên xác định theo công thức quy định tại Điểm a Khoản 3 Điều này, lớn hơn 100%;

+ Có tổng số thu phí được để lại để chi không thường xuyên theo quy định và mức dự kiến trích quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp trong năm bằng hoặc lớn hơn mức trích khấu hao và hao mòn tài sản trang thiết bị của tổ chức đó tại năm đầu thời kỳ ổn định; hoặc có tổng số dư kinh phí của quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp của năm trước liền kề (thời điểm xây dựng phương án tự chủ), số thu phí được để lại để chi không thường xuyên theo quy định và mức dự kiến trích quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp trong năm lớn hơn mức trích khấu hao và hao mòn tài sản trang thiết bị của tổ chức đó tại năm đầu thời kỳ ổn định.

- Tổ chức khoa học và công nghệ công lập tự bảo đảm chi thường xuyên: Là tổ chức có mức tự bảo đảm kinh phí chi thường xuyên xác định theo công thức quy định tại Điểm a Khoản 3 Điều này, bằng hoặc lớn hơn 100%.

- Tổ chức khoa học và công nghệ công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên: Là tổ chức có mức tự bảo đảm kinh phí chi thường xuyên xác định theo công thức quy định tại Điểm a Khoản 3 Điều này, từ trên 10% đến dưới 100%.

- Tổ chức khoa học và công nghệ công lập do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên: Là tổ chức có mức tự bảo đảm kinh phí chi thường xuyên xác định theo công thức quy định tại Điểm a Khoản 3 Điều này, từ 10% trở xuống hoặc tổ chức không có nguồn thu.

## **IV. Phương thức xác định mức hỗ trợ kinh phí để thực hiện nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng (nhằm xác định số kinh phí cụ thể nhà nước hỗ trợ năm đầu thời kỳ ổn định)**

Công thức xác định mức hỗ trợ kinh phí thực hiện nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng (Điểm a, khoản 2, Điều 6 Thông tư 90/2017/TT-BTC):

$$\text{Mức hỗ trợ} = [(1) + (2 \times 3)] - [(4) + (5) + (6)]$$

Trong đó:

Ký hiệu	Nội dung	Ghi chú
(1)	Quỹ tiền lương, phụ cấp theo quy định	Căn cứ vào Quyết định giao biên chế của cấp thẩm quyền và quy định về lương hiện hành
(2)	Số lượng người làm việc được cấp có thẩm quyền phê duyệt	
(3)	Định mức chi hành chính của đơn vị cùng quy mô biên chế theo quy định của cấp có thẩm quyền	Căn cứ vào định mức quy định tại Quyết định số 46/2016/QĐ-TTg về việc ban hành định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên NSNN năm 2017
(4)	Số thu phí để lại theo quy định	Số thu phí để lại dành cho chi thường xuyên
(5)	Nguồn thu từ các hoạt động dịch vụ sau khi thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với NSNN và nộp cấp trên theo quy định	Chênh lệch thu lớn hơn chi (sau khi đã thực hiện các nghĩa vụ với nhà nước hoặc nộp cấp trên theo quy định) từ hoạt động cung cấp dịch vụ sự nghiệp công không sử dụng ngân sách nhà nước, hợp tác, liên doanh, liên kết về khoa học và công nghệ, hoạt động sản xuất, kinh doanh
(6)	Các khoản thu hợp pháp khác	Như lãi tiền gửi ngân hàng, thu từ bán thanh lý tài sản, liên danh liên kết không liên quan đến KHCN ...

## **Phụ lục số 01**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 90/2017/TT-BTC ngày 30 tháng 8 năm 2017  
của Bộ Tài chính)*

### **PHƯƠNG ÁN TÀI CHÍNH THỰC HIỆN CƠ CHẾ TỰ CHỦ CỦA TỔ CHỨC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CÔNG LẬP**

A. Các căn cứ pháp lý về việc thành lập, chức năng, nhiệm vụ của tổ chức khoa học và công nghệ (KH&CN) công lập.

B. Khái quát chung về tổ chức bộ máy, số lượng người làm việc và tình hình triển khai nhiệm vụ.

C. Xác định phương án tự chủ tài chính:

I. Liệt kê các danh mục dịch vụ sự nghiệp công do tổ chức KH&CN công lập thực hiện để làm căn cứ phân loại mức độ tự đảm bảo kinh phí hoạt động theo quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều 2 Thông tư số 90/2017/TT-BTC.

II. Trong trường hợp tổ chức KH&CN công lập thực hiện đồng thời nhiều dịch vụ sự nghiệp công khác nhau (trong danh mục và không thuộc danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước), tổ chức KH&CN công lập báo cáo các nội dung sau:

1. Về nguồn thu:

Trong đó nêu chi tiết các khoản thu sự nghiệp: *Thu phí được để lại theo quy định; Thu từ NSNN nếu được cơ quan có thẩm quyền tuyển chọn, hoặc giao trực tiếp để thực hiện các nhiệm vụ KH&CN; Thu từ hoạt động cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng NSNN; thu hợp pháp khác (như lãi tiền gửi, bán thanh lý tài sản,...) và chênh lệch thu lớn hơn chi từ hoạt động sản xuất kinh doanh, liên doanh liên kết.*

2. Về chi thường xuyên:

Trong đó chi tiết các nội dung chi theo quy định tại Khoản 2 Điều 3 Thông tư số 90/2017/TT-BTC.

3. Về phân phối kết quả tài chính của các năm trước liền kề và dự kiến năm đầu thời kỳ ổn định.

4. Xác định mức độ tự chủ tài chính:

Căn cứ vào nguồn thu sự nghiệp, chi thường xuyên của năm đầu thời kỳ ổn định, tổ chức KH&CN công lập xác định mức độ tự đảm bảo kinh phí hoạt động theo hướng dẫn tại Khoản 3 Điều 3 Thông tư số 90/2017/TT-BTC.

5. Đối với tổ chức KH&CN công lập có mức tự bảo đảm kinh phí hoạt động thường xuyên bằng hoặc lớn hơn 100%: Báo cáo thêm về tổng giá trị tài sản là trang thiết bị, mức trích khấu hao và giá trị hao mòn tài sản cố định (trang thiết bị) theo quy định.

*(Biểu số liệu kèm theo)*

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**

(Ký tên, đóng dấu)



**DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2015-2018**

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Nội dung	Tình hình tài chính trong 3 năm trước liền kề				Dự kiến trong năm đầu giai đoạn tiếp theo 2018
		Thực hiện năm 2015	Thực hiện năm 2016	Năm 2017		
				Dự toán	Ước thực hiện	
<b>A</b>	<b>Thu, chi thường xuyên</b>					
<b>I</b>	<b>Nguồn thu</b>					
1	Số thu phí được để lại					
	<i>Trong đó: Số thu phí được để lại để chi không thường xuyên theo quy định</i>					
2	Thu từ các nhiệm vụ KHCN					
3	Nguồn thu từ hoạt động cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước					
4	Nguồn thu từ hoạt động cung cấp dịch vụ sự nghiệp công không sử dụng ngân sách nhà nước, hợp tác, liên doanh, liên kết...					
5	Thu hợp pháp khác					
<b>II</b>	<b>Chi thường xuyên</b>					
1	Chi tiền lương, tiền công					
2	Chi hoạt động chuyên môn					
3	Chi quản lý					
4	Chi thường xuyên khác (thuyết minh nội dung, nếu có)					
<b>III</b>	<b>Tỷ lệ đảm bảo chi thường xuyên (%)</b>					
<b>IV</b>	<b>Phân phối kết quả tài chính trong năm</b>					
1	Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp, trong đó:					
	Từ chênh lệch thu chi thường xuyên trong năm					
	Từ trích khấu hao tài sản cố định theo quy định					
2	Quỹ....					
<b>B</b>	<b>Tổng giá trị tài sản, mức trích khấu hao và giá trị hao mòn tài sản cố định (trang thiết bị) theo quy định</b>					
1	Tổng giá trị tài sản, trong đó:					
	Nguyên giá					
	Giá trị còn lại					
2	Mức trích khấu hao và giá trị mòn hao tài sản cố định, trong đó:					
	Mức trích khấu hao					
	Giá trị hao mòn					

(Đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo đặt hàng của Nhà nước: Trường hợp tại thời điểm lập báo cáo, tổ chức khoa học và công nghệ chưa được cấp có thẩm quyền phê duyệt, giao nhiệm vụ thì không phải báo cáo kinh phí)

Người lập biểu  
(Ký tên)

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**  
(Ký tên, đóng dấu)

## Phụ lục số 02

(Ban hành kèm theo Thông tư số 90/2017/TT-BTC ngày 30 tháng 8 năm 2017  
của Bộ Tài chính)

### BÁO CÁO TỔNG HỢP PHƯƠNG ÁN PHÂN LOẠI TỰ CHỦ TÀI CHÍNH CỦA TỔ CHỨC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CÔNG LẬP GIAI ĐOẠN 2018-2020

#### I. Đánh giá tình hình triển khai thực hiện tự chủ tài chính của giai đoạn trước:

1. Về số lượng tổ chức KH&CN được giao tự chủ:..... đơn vị (thống kê theo số liệu thực tế tại thời điểm báo cáo), trong đó:

- Số đơn vị tự bảo đảm chi đầu tư và chi thường xuyên:.... đơn vị
- Số đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên:.... đơn vị
- Số đơn vị tự bảo đảm một phần chi thường xuyên:..... đơn vị
- Số đơn vị do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên:..... đơn vị

2. Về tình hình thực hiện nhiệm vụ được giao.

3. Về kết quả thực hiện tự chủ tài chính:

3.1. Về nguồn tài chính của các tổ chức KH&CN công lập:

a) Nguồn thu (chi tiết theo từng nội dung thu):

- Thực hiện năm đầu của giai đoạn giao tự chủ là:..... triệu đồng.
- Thực hiện năm thứ hai của giai đoạn giao tự chủ là:..... triệu đồng.
- Ước thực hiện năm cuối của giai đoạn giao tự chủ là:..... triệu đồng (trong đó: Dự toán giao:..... triệu đồng).

b) Chi hoạt động thường xuyên (chi tiết theo các nội dung chi):

- Thực hiện năm đầu của giai đoạn giao tự chủ là:..... triệu đồng.
- Thực hiện năm thứ hai của giai đoạn giao tự chủ là:..... triệu đồng.
- Ước thực hiện năm cuối của giai đoạn giao tự chủ là:..... triệu đồng (trong đó: Dự toán giao:..... triệu đồng).

c) Về tình hình thực hiện trích lập các Quỹ theo quy định.

3.2. Về tình hình chi trả thu nhập tăng thêm cho người lao động

- Số đơn vị có hệ số tăng thu nhập dưới 1 lần:.... đơn vị
- Số đơn vị có hệ số tăng thu nhập từ trên 1 - 2 lần:.... đơn vị
- Số đơn vị có hệ số tăng thu nhập từ trên 2 - 3 lần:.... đơn vị
- Số đơn vị có hệ số tăng thu nhập từ trên 3 lần:.... đơn vị

#### II. Đề xuất phương án phân loại tự chủ tài chính của giai đoạn tiếp theo:

1. Dự toán thu (chi tiết các khoản thu sự nghiệp).

2. Về dự toán chi thường xuyên (chi tiết nội dung chi theo quy định tại Khoản 2 Điều 3 Thông tư số 90/2017/TT-BTC).

3. Đề xuất phương án phân loại tổ chức KH&CN công lập:

Tổng số đơn vị giao tự chủ tài chính của giai đoạn tiếp theo:..... đơn vị, trong đó:

- Số đơn vị tự bảo đảm chi đầu tư và chi thường xuyên:.... đơn vị
- Số đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên:.... đơn vị
- Số đơn vị tự bảo đảm một phần chi thường xuyên:..... đơn vị
- Số đơn vị do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên:..... đơn vị

(Biểu tổng hợp số liệu kèm theo).

Bộ, địa phương....

Biểu mẫu báo cáo kèm theo Phụ lục số 02

**BIỂU TÔNG HỢP VỀ PHƯƠNG ÁN PHÂN LOẠI TỔ CHỨC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CÔNG LẬP  
GIAI ĐOẠN 2018-2020**

(Áp dụng đối với các đơn vị chủ quản tổng hợp, gửi lấy ý kiến của cơ quan tài chính)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Tên đơn vị	Tình hình tài chính của năm trước liền kề (*)											Tổng giá trị tài sản		Mức trích khấu hao và giá trị hao mòn			
		Nguồn thu			Chi thường xuyên				Trích lập Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp		Tỷ lệ đảm bảo chi thường xuyên (%)		Nguyên giá	Giá trị còn lại	Mức trích khấu hao	Giá trị hao mòn		
		Tổng cộng	Thu phí được để lại	Trong đó: Số thu phí được để lại để chi không thường xuyên	Thu từ các nhiệm vụ vụ KHCN	Thu khác...	Tổng cộng	Chi lương, tiền công	Chi hoạt động chuyên môn	Chi thường xuyên khác	Tổng cộng	Từ chênh lệch thu chi thường xuyên					Từ trích khấu hao tài sản cố định	
I	Tổ chức KHCN công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư (Chỉ tiết tên các đơn vị)																	
II	Tổ chức KHCN công lập tự bảo đảm chi thường xuyên (Chỉ tiết tên các đơn vị)																	
III	Tổ chức KHCN công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (Chỉ tiết tên các đơn vị)																	
IV	Tổ chức KHCN công lập do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên (Chỉ tiết tên các đơn vị)																	

(\*) Báo cáo theo số ước thực hiện trong năm

*Mudawo*

Bộ, địa phương....

Biểu mẫu báo cáo kèm theo Phụ lục số 02

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Tên đơn vị	Tổng thu			Tổng chi thường xuyên				Tỷ lệ chi thường xuyên (%)	Dự kiến triển hoạt động sự nghiệp	Tổng giá trị tài sản		Mức trích khấu hao và giá trị hao mòn		Đề xuất phương án phân loại	
		Tổng cộng	Thu phí được đề lại	Thu từ các nhiệm vụ KHON	Thu khác...	Chi tiền lương, tiền công	Chi hoạt động chuyên môn	Chi thường xuyên khác			Nguyên giá	Giá trị còn lại	Mức trích khấu hao	Giá trị hao mòn		
I	Tổ chức KHON công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư <i>(Chỉ tiết tên các đơn vị)</i>															
II	Tổ chức KHON công lập tự bảo đảm chi thường xuyên <i>(Chỉ tiết tên các đơn vị)</i>															
III	Tổ chức KHON công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên <i>(Chỉ tiết tên các đơn vị)</i>															
IV	Tổ chức KHON công lập do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên <i>(Chỉ tiết tên các đơn vị)</i>															

Người lập biểu  
(Ký tên)

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ  
(Ký tên, đóng dấu)

*Handwritten signature*

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT

ĐƠN VỊ:

Phụ lục 03

Chi tiết nhiệm vụ khoa học và công nghệ KH&CN các cấp /Nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng

STT	Tên nhiệm vụ	Quyết định giao nhiệm vụ số ngày /	Dự toán giao			Quyết toán				
			Tổng số	Công lao động	Nguyên vật liệu	Chi khác	Tổng số	Công lao động	Nguyên vật liệu	Chi khác
1	2	3	4=5+6+7	5	6	7	8=9+10+11	9	10	11
I	Nhiệm vụ KH&CN các cấp Năm 2015		0	0	0	0	0	0	0	0
1										
2										
	Năm 2016		0				0			
1										
2										
	Năm 2017		0				0			
1										
2										
	Năm 2018*		0				0			
1										
2										
II	Nhiệm vụ Thường xuyên chức năng Năm 2015		0	0	0	0	0	0	0	0
1										
2										

*(Handwritten signature)*

	Năm 2016		0					0										
1																		
2																		
	Năm 2017		0					0										
1																		
2																		
	Năm 2018*		0					0										
1																		
2																		

Ghi chú:

\* Đối với các nhiệm vụ KH&CN theo đặt hàng của Nhà nước: Trường hợp tại thời điểm lập báo cáo, tổ chức KH&CN chưa được cấp có thẩm quyền phê duyệt, giao nhiệm vụ thì không phải báo cáo kinh phí

**Người lập biểu**

*(Ký tên)*

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**

*(Ký tên, đóng dấu)*

*Number*